

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
25/2004/NĐ-CP ngày 15/01/2004
quy định chi tiết thi hành một
số điều của Pháp lệnh Trọng
tài thương mại.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Trọng tài thương
mại ngày 25 tháng 02 năm 2003;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Trọng tài thương mại (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh) về thẩm quyền của Trọng tài thương mại; trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài; lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài; xử lý vi phạm và quản lý nhà nước về trọng tài.

Điều 2. Thẩm quyền của Trọng tài thương mại

Trọng tài thương mại có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại quy định tại khoản 3 Điều 2 của Pháp lệnh mà các bên tranh chấp là cá nhân kinh doanh hoặc tổ chức kinh doanh.

Tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài, nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên có thỏa thuận trọng tài.

Điều 3. Khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Nhà nước khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo quy định của Pháp lệnh và Nghị định này, tạo điều kiện phát triển hoạt động trọng tài thương mại phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương II

**THÀNH LẬP, ĐĂNG KÝ VÀ CHẤM DỨT
HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM TRỌNG
TÀI, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN CỦA TRUNG
TÂM TRỌNG TÀI**

Điều 4. Thành lập Trung tâm Trọng tài

1. Trung tâm Trọng tài được thành lập tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Các Trung tâm Trọng tài đã được thành lập theo quy định của pháp luật trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực được tiếp tục hoạt động theo quy định của Pháp lệnh và Nghị định này.

2. Việc thành lập Trung tâm Trọng tài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này phải căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm các điều kiện thành lập Trung tâm Trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Pháp lệnh.

3. Các quy định của Điều này không ảnh hưởng đến việc các bên tranh chấp thành lập Hội đồng Trọng tài theo quy định tại Điều 26 của Pháp lệnh.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thành lập Trung tâm Trọng tài

1. Các sáng lập viên có đủ điều kiện làm Trọng tài viên theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh gửi hai bộ hồ sơ đề nghị thành lập Trung tâm Trọng tài đến Bộ Tư pháp.

Hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây:

a) Đơn xin phép thành lập Trung tâm Trọng tài có các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 14 của Pháp lệnh, có thỏa thuận về việc cử một sáng lập viên làm Chủ tịch Trung tâm và có chữ ký của tất cả các sáng lập viên;

b) Sơ yếu lý lịch, bản sao có công chứng hoặc chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, giấy tờ xác nhận của cơ quan, tổ

chức có thẩm quyền về việc đã qua thực tế công tác theo ngành học từ năm năm trở lên của các sáng lập viên;

c) Điều lệ của Trung tâm Trọng tài;

d) Văn bản giới thiệu của Hội Luật gia Việt Nam.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập và phê chuẩn Điều lệ của Trung tâm Trọng tài; đồng thời có công văn thông báo kèm theo bản sao Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Tư pháp), nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tư pháp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Mẫu Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài do Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 6. Tên gọi của Trung tâm Trọng tài

1. Tên gọi của Trung tâm Trọng tài do các sáng lập viên thỏa thuận lựa chọn, nhưng phải bao gồm cụm từ "Trung tâm Trọng tài" và bảo đảm không trùng, không gây nhầm lẫn với tên của Trung tâm Trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập, không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Trung tâm Trọng tài có thể có tên giao dịch. Trung tâm Trọng tài có thể có

biểu tượng, nhưng không được sử dụng Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, hình ảnh lãnh tụ, hình ảnh đồng tiền Việt Nam làm biểu tượng của mình.

Điều 7. Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài

1. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được Giấy phép thành lập, Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm các giấy tờ sau đây:

a) Đơn đăng ký hoạt động, trong đó ghi rõ địa điểm dự định đặt trụ sở của Trung tâm Trọng tài;

b) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực hợp lệ Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài;

c) Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm Trọng tài.

4. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm Trọng tài thực hiện việc đăng báo theo quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh, thực hiện các thủ tục mở tài khoản và khắc con dấu theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Trọng tài chỉ được hoạt

động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

5. Mẫu Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm Trọng tài do Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 8. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài

1. Trung tâm Trọng tài thay đổi một trong các nội dung sau đây của Giấy phép thành lập, thì phải làm đơn xin phép Bộ Tư pháp:

a) Tên gọi;

b) Lĩnh vực hoạt động.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin phép thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài, Bộ Tư pháp phải có văn bản trả lời chấp thuận hay không chấp thuận nội dung xin thay đổi; nếu không chấp thuận phải thông báo lý do.

3. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép có hiệu lực, Trung tâm Trọng tài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động.

4. Trung tâm Trọng tài thay đổi Chủ tịch Trung tâm, địa điểm đặt trụ sở hoặc danh sách Trọng tài viên, thì trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động.

Trung ương hoặc địa phương, nơi đăng ký hoạt động của chi nhánh trong ba số liên tiếp về việc lập chi nhánh.

7. Chi nhánh của Trung tâm Trọng tài chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Trung tâm Trọng tài;

b) Trung tâm Trọng tài lập chi nhánh chấm dứt hoạt động;

c) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động do vi phạm nghiêm trọng các quy định của Pháp lệnh và Nghị định này.

Trung tâm Trọng tài lập chi nhánh phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở và Sở Tư pháp, nơi đặt chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh; nộp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh cho Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của chi nhánh; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương, nơi đăng ký hoạt động của chi nhánh trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh.

Điều 10. Văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài

1. Trung tâm Trọng tài được lập văn phòng đại diện ở trong và ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở.

Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc

của Trung tâm Trọng tài, được đại diện cho Trung tâm Trọng tài trong các giao dịch của Trung tâm theo ủy quyền. Văn phòng đại diện có Trưởng văn phòng đại diện.

2. Trung tâm Trọng tài phải chịu trách nhiệm về hoạt động của văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập văn phòng đại diện, Trung tâm Trọng tài phải thông báo bằng văn bản về việc lập văn phòng đại diện cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở và Sở Tư pháp, nơi đặt văn phòng đại diện.

4. Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của Trung tâm Trọng tài. Chậm nhất là bảy ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, Trung tâm Trọng tài phải thông báo về việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở và Sở Tư pháp, nơi đặt văn phòng đại diện.

Điều 11. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm Trọng tài theo quy định tại Điều lệ của Trung tâm Trọng tài

1. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Trung tâm Trọng tài, thì chậm nhất là ba mươi ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, Trung tâm Trọng tài phải

thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động cho Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương, nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Trọng tài.

2. Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Trung tâm Trọng tài phải thanh toán xong các khoản nợ và hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này, Trung tâm Trọng tài báo cáo bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục đó cho Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm Trọng tài, Bộ Tư pháp ra quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm. Trung tâm Trọng tài nộp lại Giấy phép thành lập cho Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm Trọng tài trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập

1. Trong trường hợp Trung tâm Trọng tài bị thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị

định này, thì trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có Quyết định về việc thu hồi Giấy phép thành lập, Trung tâm Trọng tài phải thanh toán xong các khoản nợ và hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định này, Trung tâm Trọng tài phải đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương, nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Trọng tài.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm Trọng tài báo cáo bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục nói trên cho Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động; nộp lại Giấy phép thành lập cho Bộ Tư pháp; nộp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung Giấy phép, đăng ký hoạt động, đăng ký hoạt động chi nhánh của Trung tâm Trọng tài

Khi nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm Trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm

Trọng tài, người nộp hồ sơ phải nộp lệ phí theo mức sau đây:

1. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài: 500.000 đồng;

2. Lệ phí thay đổi nội dung Giấy phép thành lập: 100.000 đồng;

3. Lệ phí đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài: 200.000 đồng;

4. Lệ phí đăng ký hoạt động chi nhánh: 100.000 đồng.

Điều 14. Lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài

1. Khi gửi đơn yêu cầu Tòa án chỉ định Trọng tài viên, thay đổi Trọng tài viên, xem xét lại quyết định của Hội đồng Trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng Trọng tài, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy quyết định trọng tài, kháng cáo quyết định của Tòa án, người yêu cầu phải nộp lệ phí.

Mức lệ phí được quy định như sau:

a) Đối với việc yêu cầu Tòa án chỉ định Trọng tài viên, thay đổi Trọng tài viên: 100.000 đồng;

b) Đối với việc yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định của Hội đồng Trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng Trọng tài: 300.000 đồng;

c) Đối với việc yêu cầu Tòa án áp dụng,

thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: 500.000 đồng;

d) Đối với việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định trọng tài: 500.000 đồng;

đ) Đối với việc kháng cáo quyết định của Tòa án: 300.000 đồng.

2. Lệ phí được nộp đủ một lần cùng với đơn yêu cầu tại Tòa án, nơi nhận đơn

Điều 15. Quản lý, sử dụng lệ phí

Việc quản lý, sử dụng lệ phí cấp phép thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của Trung tâm Trọng tài và lệ phí tòa án liên quan đến trọng tài được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRỌNG TÀI

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp

1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trọng tài, có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động trọng tài; hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về trọng tài;

b) Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm

Trọng tài; chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này; phê chuẩn Điều lệ Trung tâm Trọng tài, phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Trung tâm Trọng tài.

c) Tổ chức, hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ Trọng tài viên;

d) Kiểm tra về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài;

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trọng tài;

e) Thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài theo quy định tại khoản 6 Điều 14 của Pháp lệnh và khoản 2 Điều 18 của Nghị định này theo đề nghị của Sở Tư pháp;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trọng tài theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Hội Luật gia Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp

1. Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của Trung tâm Trọng tài.

2. Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trọng tài theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 18. Xử lý vi phạm đối với Trung tâm Trọng tài, chi nhánh của Trung tâm Trọng tài

1. Trung tâm Trọng tài, chi nhánh của Trung tâm Trọng tài có các hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh, Nghị định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính bằng các hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng thì ngoài việc bị xử phạt bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền, Trung tâm Trọng tài còn có thể bị thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài; chi nhánh của Trung tâm Trọng tài còn có thể bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.

*Chương IV***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 19.** Quy định chuyển tiếp

1. Trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày Pháp lệnh có hiệu lực, các Trung tâm Trọng tài được thành lập trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy tắc tố tụng trọng tài cho phù hợp với quy định của Pháp lệnh. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được Bộ Tư pháp phê chuẩn.

Hồ sơ xin phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Đơn đề nghị phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung;
- b) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực hợp lệ Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài hoặc Quyết định phê chuẩn Điều lệ Trung tâm Trọng tài;
- c) Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Trung tâm Trọng tài.

2. Thẻ Trọng tài viên đã được Bộ Tư pháp cấp theo quy định tại Nghị định số 116/CP ngày 05 tháng 9 năm 1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài Kinh tế không còn giá trị kể từ ngày Pháp lệnh có hiệu lực thi hành.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 03/2004/CT-TTg ngày 15/01/2004 về một số biện pháp cấp bách phòng, chống hạn, bảo vệ sản xuất vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2004.

Từ những tháng cuối năm 2003 đến nay, diễn biến thời tiết có những bất lợi, gây thiếu nước và khô hạn cho sản xuất vụ Đông Xuân ở nhiều địa phương. Dòng